

Số: /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã

hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 226/TTr-SNN ngày 30/3/2026 và Văn bản số 3421/SNNMT-CCPTNT ngày 01/4/2026; Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 như sau:

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

### **1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

#### ***1.1. Cơ sở chính trị***

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới yêu cầu: *“Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau”*; *“Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác. ...; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp...”*.

Nghị quyết số 09/NQ-ĐH ngày 27/9/2025 Đại hội đại biểu thành phố Hải Phòng lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định nhiều quyết sách quan trọng để đảm bảo an sinh xã hội như: *“Coi trọng giáo dục - đào tạo, y tế và an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện chủ trương “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước*

*một bước so với phát triển kinh tế”; bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận, thụ hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau”, “Xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện và có giá trị bản sắc riêng; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội”; đồng thời xác định rõ mục tiêu: Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn thành phố (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030.*

## **1.2. Căn cứ pháp lý**

Tại khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao: “a) *Quyết định chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội của địa phương theo quy định của pháp luật*” và “c) *Quyết định chính sách, biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và các đối tượng chính sách khác tại địa phương*”.

Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/2/2025, được sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “*Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.*”

Điểm 1, khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn “*Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

Khoản 1 Điều 79 Luật Trẻ em ngày 05/4/2016 quy định “*Quốc hội, hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; phân bổ ngân sách hàng năm để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em*”.

Khoản 3 Điều 5 Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010 quy định “*Bảo trợ xã hội; trợ giúp người khuyết tật trong chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, việc làm, văn hóa, thể thao, giải trí, tiếp cận công trình công cộng và công nghệ thông tin, tham gia giao thông; ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em, người cao tuổi*”.

Điều 2 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia năm 2026: “1. *Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo*

đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. 2. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026”.

Điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, quy định tiêu chí về thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: *Khu vực nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng, khu vực thành thị là 2.000.000 đồng/người/tháng.*

Điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030: *“Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng. Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng”.*

Điểm d, khoản 6 Điều 4 Nghị định 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: quy định *“Tổ chức thực hiện các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản”.*

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Những năm qua, Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, trong đó đặc biệt quan tâm đến nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo không có khả năng lao động. Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện trong giai đoạn 2022 – 2025 đã hỗ trợ 65.191 lượt người, kinh phí thực hiện: 544.530 triệu đồng (*riêng năm 2025 là: 14.855 người, kinh phí thực hiện: 160.585 triệu đồng*). Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương đã có 6.095 người được hỗ trợ với kinh phí thực hiện là 70.635 triệu đồng.

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trên đã giảm tỷ lệ hộ nghèo của thành phố đến cuối năm 2025 còn **0,13%**, đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 6 tháng cuối năm 2025 của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

Từ 01/7/2025, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương thành thành phố Hải Phòng (mới) đã phát sinh một số vấn đề bất cập như: chính sách hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo (*Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND*) có sự khác nhau về đối tượng và chính sách hỗ trợ, dẫn đến việc thực hiện chế độ chính sách cho đối tượng không thống nhất trên địa bàn thành phố hiện nay. Mức chuẩn hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND bằng mức chuẩn tiêu chí thu nhập theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia.

Ngày 30/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 351/2025/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030, trong đó quy định năm 2026 "*Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025*" (tiêu chí thu nhập vẫn tính: Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng, Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng).

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 để thực hiện chính sách năm 2026 (theo chuẩn 2022-2025), thành phố còn **1.693 hộ nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,13%; **12.824 hộ cận nghèo**, chiếm tỷ lệ 0,99%. Tuy nhiên, Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND hết hiệu lực sau ngày 31/12/2025 và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày 15/02/2025 (*khi Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 có hiệu lực*) thì số hộ nghèo, cận nghèo đã thoát nghèo năm 2025 và các năm trước sẽ có nguy cơ tái nghèo vào năm 2026 (*dự kiến khoảng 11.248 hộ rơi vào diện nghèo và 14.465 hộ rơi vào cận nghèo*) vì các hộ trên đa phần thuộc diện người cao tuổi, cô đơn, không nơi nương tựa, người cao tuổi ốm đau bệnh nặng, hiểm nghèo... (*cơ bản các hộ này thoát nghèo, thoát cận nghèo do được hỗ trợ về thu nhập theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND*).

Tính theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (*Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng. Ở khu vực đô thị: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.800.000 đồng/người/tháng*) thì tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thành phố Hải Phòng dự kiến khoảng 4,55%, tương ứng 58.922 hộ nghèo, cận nghèo. Những hộ trên đa phần có thành viên thuộc diện không có khả năng lao động, có hoàn cảnh khó khăn (người cao tuổi cô đơn không vợ, chồng, con; người cao tuổi, người hay ốm đau, bệnh nặng hiểm nghèo, bệnh phải chữa trị dài ngày...) đối với nhóm này khi sử dụng các chính sách khác hỗ trợ như về giáo dục, vay vốn ưu đãi, tạo việc làm cơ bản sẽ không hiệu quả (vì họ không có sức lao động), chỉ có thể sử

dụng chính sách hỗ trợ bằng tiền trợ cấp để giúp nâng cao thu nhập, cải thiện, đảm bảo cuộc sống bằng mức sống tối thiểu.

Tổng hợp kết quả rà soát của các xã, phường, đặc khu báo cáo: Năm 2026, dự kiến có khoảng **28.000 người** thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo không có khả năng lao động; từ năm 2027-2030 có khoảng **30.000 người/năm** không có khả năng lao động. Nếu không có chính sách hỗ trợ thu nhập cho các đối tượng trên thì khó đạt được mục tiêu đề ra tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030 là "*Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030)*".

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ cho một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 – 2030 (*thay thế Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND*) là rất cần thiết, có cơ sở chính trị, pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố. Qua đó, thể hiện sự quan tâm của thành phố với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, góp phần đảm bảo chính sách an sinh xã hội; đồng bộ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo, phù hợp với chủ trương "*không để ai bị bỏ lại phía sau*".

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

### 1. Mục đích

Hỗ trợ cho các thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo không có khả năng lao động, có mức thu nhập dưới tiêu chí thu nhập của chuẩn nghèo quốc gia để có thu nhập hằng tháng ổn định, bảo đảm cuộc sống góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025- 2030: "*Đến năm 2028 không còn hộ nghèo trên địa bàn thành phố*".

Là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo một cách thống nhất trên địa bàn thành phố.

### 2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo kế thừa, chọn lọc các chính sách đã được ban hành giai đoạn 2021-2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

Trên cơ sở cơ chế, chính sách hiện hành, Nghị quyết chỉ hỗ trợ thêm phần thu nhập cho các đối tượng để đảm bảo mức sống tối thiểu; đồng thời bao trùm

toàn bộ các đối tượng yếu thế trên địa bàn thành phố (người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo không có khả năng lao động...).

Đảm bảo chính sách được thực hiện ổn định, không phát sinh thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống Nhân dân; đồng thời phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố khi sáp nhập đơn vị hành chính, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn thành phố.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được lập theo quy định. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Quyết định số 08/QĐ-HĐND ngày 25/3/2026.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng và hoàn thiện đảm bảo nội dung, tiến độ và trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật: Được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện phản biện xã hội; đã tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết; đã gửi xin ý kiến các Sở, ngành, địa phương; đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố và của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến tham gia, ý kiến phản biện; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 7 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Hỗ trợ thu nhập hằng tháng

Điều 4. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Điều 7. Tổ chức thực hiện

#### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Văn bản**

***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh***

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

### ***Điều 2. Đối tượng áp dụng***

1. Thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

### ***Điều 3. Hỗ trợ thu nhập hằng tháng***

1. Người được hưởng hỗ trợ thu nhập hằng tháng là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận trong thời gian từ năm 2025 đến năm 2030 thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng theo quy định của pháp luật.

b) Người bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.

c) Người mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

d) Trẻ em theo quy định của pháp luật. Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

đ) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả các trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo

quy định của pháp luật).

Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật).

Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại điểm b, c khoản này.

## 2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này để đảm bảo bằng mức thu nhập sau:

Năm 2026 là **2.000.000** đồng/người/tháng ở khu vực thành thị (*phường*) và **1.500.000** đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn (*xã và đặc khu*).

Từ năm 2027 đến năm 2030 là **2.800.000** đồng/người/tháng ở khu vực thành thị và **2.200.000** đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn.

b) Mức hỗ trợ cụ thể của từng đối tượng bằng mức thu nhập quy định tại điểm a khoản này trừ đi thu nhập hằng tháng của đối tượng được hưởng chính sách.

c) Điều kiện thu nhập: Đối tượng được hưởng chính sách không có thu nhập hằng tháng hoặc có thu nhập hằng tháng nhưng tổng thu nhập thấp hơn mức thu nhập quy định tại điểm a khoản này. Thu nhập hằng tháng bao gồm: tiền lương; tiền công; lương hưu; trợ cấp người có công, thân nhân người có công với cách mạng; trợ cấp bảo hiểm xã hội; trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp xã hội, các khoản trợ cấp khác từ nguồn lực xã hội hóa và ngân sách nhà nước.

Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực trong cung cấp thông tin về thu nhập hàng tháng của mình.

### ***Điều 4. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế***

Thành viên thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận trong thời gian từ năm 2025 đến năm 2030 được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

### ***Điều 5. Kinh phí thực hiện***

### ***Điều 6. Hiệu lực thi hành***

### ***Điều 7. Tổ chức thực hiện***

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

### 1. Dự kiến nguồn lực

Nguồn kinh phí do ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành. Tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2026-2030 là **3.516,98 tỷ đồng**, trong đó:

- Năm 2026 (hỗ trợ 28.000 người): Kinh phí hỗ trợ là 463,74 tỷ đồng/năm.
- Từ năm 2027 đến năm 2030 (hỗ trợ 30.000 người/năm): Kinh phí hỗ trợ là 763,31 tỷ đồng/năm x 4 năm = 3.053,24 tỷ đồng.

*(Có phụ lục kèm theo)*

### 2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành chính sách sau khi được thông qua

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.
- Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.
- Thực hiện hỗ trợ trực tiếp: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

#### ***Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình:***

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030;

(2) Báo cáo tổng kết thực hiện quy định pháp luật về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 và thi hành chính sách hỗ trợ thu nhập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

(3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo,

*hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 với Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) và Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;*

*(4) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết;*

*(5) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*

*(6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;*

*(7) Các tài liệu khác có liên quan./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các Đại biểu HĐND TP;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND TP;
- Các Sở: NNMT, TP, TC, NV;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, N.T.Hiếu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Quân**

**Phụ lục: Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2026-2030**

TT	Nội dung hỗ trợ	Năm 2026			Từ năm 2027 đến 2030			Giai đoạn 2026-2030 (đồng)
		Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số lượng (người)	Thành tiền (đồng/năm)	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số lượng (người/năm)	Thành tiền (đồng/năm)	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ thu nhập</b>		<b>28.000</b>	<b>453.000.000.000</b>		<b>30.000</b>	<b>725.400.000.000</b>	<b>3.354.600.000.000</b>
1.1	Khu vực nông thôn		17.000	255.000.000.000		19.000	421.800.000.000	1.942.200.000.000
	<i>Hỗ trợ đủ</i>	<i>1.500.000</i>	<i>8.500</i>	<i>153.000.000.000</i>	<i>2.200.000</i>	<i>9.500</i>	<i>250.800.000.000</i>	<i>1.156.200.000.000</i>
	<i>Hỗ trợ thêm</i>	<i>1.000.000</i>	<i>8.500</i>	<i>102.000.000.000</i>	<i>1.500.000</i>	<i>9.500</i>	<i>171.000.000.000</i>	<i>786.000.000.000</i>
1.2	Khu vực thành thị		11.000	198.000.000.000		11.000	303.600.000.000	1.412.400.000.000
	<i>Hỗ trợ đủ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>5.500</i>	<i>132.000.000.000</i>	<i>2.800.000</i>	<i>5.500</i>	<i>184.800.000.000</i>	<i>871.200.000.000</i>
	<i>Hỗ trợ thêm</i>	<i>1.000.000</i>	<i>5.500</i>	<i>66.000.000.000</i>	<i>1.800.000</i>	<i>5.500</i>	<i>118.800.000.000</i>	<i>541.200.000.000</i>
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ BHYT</b>	<b>105.300</b>	<b>8.500</b>	<b>10.740.600.000</b>	<b>105.300</b>	<b>30.000</b>	<b>37.908.000.000</b>	<b>162.372.600.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>28.000</b>	<b>463.740.600.000</b>		<b>41.000</b>	<b>763.308.000.000</b>	<b>3.516.972.600.000</b>